

Bản án số: 151/2023/HS-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thế Mỹ và ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án – Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 153/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H; giới tính: nam; sinh ngày: 18/10/1998, tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Trần Văn L, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị Kim B, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, đến ngày 11/8/2019, chấp hành xong; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hà P; giới tính: nam; sinh ngày: 01/01/1995, tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1969 và bà Hà Thị N, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hà P: Ông Lôi Văn Đ - Luật sư văn phòng L1, địa chỉ: C C, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Trần Ngọc Thái N1**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

- Bà **Đặng Thị Kim B**, sinh năm 1958, nơi cư trú: **khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

Người chứng kiến: **Trịnh Văn V**, sinh năm 1987, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 13/9/2023, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng **Công an phường C, thành phố C** đến nhà **Trần Ngọc Thái N1** thuộc **tổ H, khóm C, phường C, thành phố C**, phát hiện **Trần Văn H, Nguyễn Hà P** có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, thu giữ ở túi quần phía sau bên phải của **H** đang mặc có 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viên màu đỏ, chứa tinh thể màu trắng.

Qua làm việc, **H** và **P** khai túi nhựa bị thu giữ là ma túy đá do **H** và **P** hùn tiền mua để sử dụng, **H** rủ **P**, cả hai thỏa thuận mỗi người hùn 100.000 đồng, **H** ra tiền trước và đi mua, **H** một mình điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến **cầu K, xã V, thành phố C** gặp **Châu Lê Hiệp P2** mua 200.000 đồng ma túy, cất giấu mang về, cùng **P** đến nhà **N1** (bạn của **H**), xin cho hút ma túy tại nhà, **N1** không đồng ý và bỏ đi vào phòng ngủ, **H** và **P** lên lấy ma túy vừa hùn mua sử dụng một phần, phần còn lại **H** cất giấu, để cả hai sử dụng dần, bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang đối với **H** và **P**.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viên màu đỏ, chứa tinh thể màu trắng (giám định là ma túy, loại Methamphetamine); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh.

Căn cứ Kết luận giám định số 180/KL-KTHS (MT-GT) ngày 21/9/2023 của Phòng K - Công an tỉnh A, ghi nhận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1400 gam.

Tại Cáo trạng số 149/CT-VKSNDCTĐ-HS ngày 05/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố **Trần Văn H** và **Nguyễn Hà P** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Văn H** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo **Nguyễn Hà P** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh.

Đối với **Trần Ngọc Thái N1** không biết **H, P** sử dụng ma túy trong nhà, không sử dụng ma túy cùng với **H, P**; **Đặng Thị Kim B** để **H** sử dụng xe mô tô nhưng không biết **H** đi mua ma túy, tuy không xử lý nhưng đề nghị công khai giáo dục tại phiên tòa. Châu **Lê Hiệp P2** bán ma túy cho **Trần Văn H**, không có ở địa phương, chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

- Người bào chữa cho các bị cáo **P** trình bày lời bào chữa: Không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố **Nguyễn Hà P** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bởi vì **H** rủ **P** sử dụng ma túy, ứng trước tiền và một mình đi mua ma túy, đồng thời lượng ma túy còn lại khi bị lực lượng Công an phát hiện là do **H** giữ, sau khi cả hai cùng sử dụng ma túy thì **P** chuẩn bị về nhà tại **thị trấn L, huyện A**, không hứa hẹn sẽ quay lại sử dụng ma túy với **H**. Do đó, **P** không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên **P** không có tội.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: thời điểm lực lượng Công an phát hiện số ma túy được cất giấu trên người của **H** thì **P** vẫn chưa rời khỏi hiện trường, bị cáo **P** giữ vai trò là đồng phạm trong vụ án. Do đó, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung, trong lời nói sau cùng, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét, những người này đều đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận:

Các bị cáo **Trần Văn H**, **Nguyễn Hà P** đã có hành vi cất giấu trái pháp luật chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1400 gam. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Hiện tại trên địa bàn **thành phố C** các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Trong vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo **H** chủ động rủ **P** hùn tiền mua ma túy sử dụng, trực tiếp ứng trước tiền và thực hiện giao dịch ma túy, đồng thời cất giấu số ma túy còn lại nên bị cáo **H** giữ

vai trò chính. Do đó, cần phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo **H** có nhân thân xấu, ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, đến ngày 11/8/2019 chấp hành xong.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo **P** còn có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với lượng ma túy đã thu giữ là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh thu giữ của bị cáo **H**, đây là phương tiện bị cáo dùng liên lạc để mua ma túy nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về các vấn đề khác:

Về quan điểm của Người bào chữa đề nghị cho bị cáo **P** không phải chịu trách nhiệm hình sự: Xét thấy, mặc dù lượng ma túy khi bị thu giữ không cất giấu trên người của bị cáo **P** nhưng **P** có sự thống nhất ý chí với **H**, hùn tiền mua ma túy, giao cho **H** cất giấu để cả hai cùng sử dụng nên **P** giữ vai trò đồng phạm trong vụ án. Vì vậy, đề nghị của Người bào chữa là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với bà **Trần Ngọc Thái N1** không biết các bị cáo sử dụng ma túy trong nhà và không sử dụng cùng với các bị cáo. Bà **Đặng Thị Kim B** không biết bị cáo **H** dùng xe mô tô để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần công khai giáo dục để nâng cao cảnh giác và ý thức chấp hành pháp luật. Đối với **Châu Lê Hiệp P2** bán ma túy cho bị cáo **H** không có ở địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[7] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017;

Tuyên bố các bị cáo **Trần Văn H**, **Nguyễn Hà P** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- Xử phạt: **Trần Văn H** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt: **Nguyễn Hà P** 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của **Trần Văn H**, **Nguyễn Hà P** được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/9/2023 (*ngày mười ba, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba*).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 một phong bì niêm phong ghi vụ số 180/KL-KTHS (MT-GT) ngày 21/9/2023 có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố C** và các chữ ký ghi tên **Nguyễn Thị Văn A**, cùng lượng ma túy bên trong.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh (đã qua sử dụng, màn hình bị bể).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố châu Đ** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

3. Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo **Trần Văn H**, **Nguyễn Hà P**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ - CATPCĐ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Võ Đại Nam**